TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 14-9-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét sử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hằng và bà Nguyễn Thị Ngọc Văn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 117/ 2022/ TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/8/2022, Quyết định hoãn phiên toà ngày 31/8/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1984; địa chỉ: Khu 5, phường Phú Thứ, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Chị H có mặt.

- Bị đơn: Anh Vũ Đạt T, sinh năm 1982; địa chỉ: Khu 5, phường Phú Thứ, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Anh T có mặt.

- Người làm chứng: Trần Văn H1, sinh năm 1957; địa chỉ: KDC Kinh Hạ, An Lưu, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Ông H1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/01/2022, các tài liệu có trong hồ sơ, ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Đạt T kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 23/12/2003 tại UBND phường Phú Thứ, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng cách đây 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn, Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là do anh T thường uống rượu xong về chửi và đánh chị, nhiều lần như vậy, chị không chịu đựng được nên chị phải sang nhà đẻ ở lánh vài hôm mới dám về nhà. Sau khi chị bỏ về nhà bố đẻ ở An Lưu, Kinh Môn thì anh T đều đến xin lỗi và đón chị về. Do mâu thuẫn căng thẳng, tháng 10 năm

2021, chị đã đưa đơn ra Tòa để giải quyết ly hôn, nhưng để cho anh T nhận ra lỗi lầm cũng như tạo cơ hội cho anh T, chị đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, khi về đoàn tụ thì chỉ được tháng đầu, sau đó anh T vẫn như trước không có gì thay đổi, vẫn mải chơi, không chịu làm ăn, đi làm cơ khí làm thì ít nghỉ thì nhiều, tối nào cũng uống rượu, rượu chè say xỉn là chửi, đánh chị, dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Hiện chị vẫn ở cùng anh T vì chị phải chăm các con. Tuy nhiên, cuộc sống căng thẳng đã quá sức chịu đựng của chị. Tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng anh T nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho tôi ly hôn với anh T để giải phóng cho chị.

Về con chung: Chị và anh T có có 02 con chung là cháu Vũ Thanh P, sinh ngày 18/02/2006 (giới tính: Nam) và cháu Vũ Như Q, sinh ngày 14/11/2009 (giới tính: Nữ), hiện hai cháu đang ở cùng chị và anh T. Quan điểm của chị là sau khi vợ chồng ly hôn, chị xin trực tiếp nuôi cháu Q, tự nguyện để anh T nuôi cháu P, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Chị làm Công nhân Công ty giầy da Viettory ở phường Hiệp An, thu nhập bình quân 06 triệu đồng/tháng.

Về tài sản, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản làm việc, anh T trình bày: Về điệu kiện kết hôn như chị H nêu trên. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng bố mẹ anh ở Phú Thứ, Kinh Môn, hạnh phúc đến 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm, hay xảy ra cãi vã, mỗi người một suy nghĩ, không ai chịu ai, anh thì có nhược điểm là hay ghen, chị H thì ích kỷ, vợ chồng không có sự chia sẻ lẫn nhau. Chị H là người sống không có nội tâm, không có tình cảm, khi anh ốm đau chị H không quan tâm đến anh. Chị H đi làm công ty cả tuần, nhưng ngày nghỉ lại đi việc riêng, không ở nhà nấu bữa cơm cho chồng, con. Có khi anh đi làm về, vợ đi làm công ty về muộn, anh đã nấu bữa tối, tuy nhiên khi ăn chị H lại chê và coi anh như người ở. Từ những việc chị H không quan tâm, chăm lo gia đình nên có lúc anh đã uống rượu dẫn đến mất bình tĩnh, cáu gắt, xô xát với vợ, anh thì đánh chị H ít, chị H đánh anh nhiều. Qua 6 năm vợ chồng sống không hạnh phúc, anh cảm nhận thấy rất khổ, chỉ mong muốn mỗi bên sửa mình để gia đình hạnh phúc, tuy nhiên chị H không thay đổi, cứ mong muốn anh thay đổi ngay lập tức thì rất khó mà phải có thời gian thì mới có thể thay đổi được. Giữa anh và chị H thì cái tôi quá cao, vẫn chưa ai chịu ai, nên anh đề nghị Tòa án cho anh thời gian để vợ chồng anh có cơ hội đoàn tụ nên anh không đồng ý ly hôn với chị H. Trường hợp vợ chồng không thể đoàn tụ được thì anh sẽ đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Vũ Thanh P - sinh ngày 18/02/2006 và cháu Vũ Như Q - sinh ngày 14/11/2009, hiện hai cháu đang ở cùng chị H và anh T. Nếu chị H cố tình xin ly hôn và có nguyện vọng nuôi con thì anh sẽ để chị H nuôi cháu Q, anh nuôi cháu P. Anh tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Q cùng chị H, mỗi tháng 2.000.000 đồng, đến khi cháu Q trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về tài sản, nợ: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản ý kiến của mình, khi bố mẹ ly hôn, cháu Vũ Thanh P có nguyện vọng ở với bố Thanh, cháu Vũ Như Q có nguyện vọng ở với mẹ Hòa.

- Tòa án tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân giưa chị H và anh T: Ông Trương Văn Minh - Trưởng Khu dân cư cho biết: Sau khi kết hôn, anh T và chị H chung sống tại Khu dân cư số 5 - phường Phú Thứ - thị xã Kinh Môn. Ông không nắm được việc vợ chồng anh T có xảy ra mâu thuẫn gì hay không vì anh chị không yêu cầu địa phương hòa giải. Nay chị H có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ông Trần Văn H1 cho biết: Ông là bố đẻ của chị Trần Thị H. Chị H và anh Vũ Đạt T tự nguyện đăng ký kết hôn và được tổ chức lễ cưới theo phong tục. Sau khi kết hôn, chị H chung sống hạnh phúc cùng anh T ở phường Phú Thứ, cách đây khoảng 6 năm thì vợ chồng anh T chị H phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Thành thường uống rượu xong về chửi và đánh vợ. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nhiều nên chị H đã nhiều lần phải về nhà ông ở lánh, được ông động viên, hòa giải, anh T xin lỗi, chị H mới về nhà ở cùng chồng. Cũng đã có lần, năm 2021, chị H đưa đơn ra tòa nhưng anh T cũng đã nhận ra lỗi lầm, xin lỗi chị H, ông cũng động viên nên chị H lại rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, khi về đoàn tụ chỉ được mấy ngày lại mâu thuẫn, anh T vẫn như trước không có gì thay đổi, vẫn mải chơi, hôm nào cũng uống rượu về chửi, đánh vợ. Vì con nên chị H vẫn phải ở cùng anh T, còn mâu thuẫn giữa chị H, anh T đã nhiều năm. Nay chị H xin ly hôn anh T, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị H vì ông cũng đã hòa giải, động viên nhiều lần nhưng anh T không thay đổi.

- Tòa án đã 2 lần mở phiên hòa giải nhưng anh T không đến tham gia nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn – chị H vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh T, giải quyết việc nuôi con, không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản.

Bị đơn – anh T đề nghị Tòa án để vợ chồng sống ly thân một thời gian để chị H suy nghĩ lại. Trường hợp Tòa án cho ly hôn thì anh xin nuôi cả 2 con, hoặc để anh nuôi cháu P, để chị H nuôi cháu Q, anh tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Q cùng chị H, mỗi tháng 2 triệu đồng, kể từ khi bản án có hiệu lực đến khi cháu Q trưởng thành, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Toà án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn không tham gia hòa giải là chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung: Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Tòa án xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn, cho chị H ly hôn anh T theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Về con chung: Căn cứ Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu Vũ Thanh P cho anh T, giao cháu Vũ

Như Q cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Q cùng chị H mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi cháu Q trưởng thành. Về tài sản, nợ chung: Các bên không yêu cầu, nên không xem xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về Tố tụng:* Bị đơn – anh T có nơi cư trú tại phường Phú Thứ, thị xã Kinh Môn nên yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị H và anh T có đủ điều kiện, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

[3] Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định: Quá trình cùng chung sống, chị H và anh T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn tôn trọng, quan tâm, giúp đỡ, chia sẻ với nhau. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc đã nhiều năm. Năm 2018 mâu thuẫn trầm trọng, đến năm 2021 do mâu thuẫn căng thẳng, chị H đã làm đơn ly hôn nhưng sau đó chị rút đơn để tạo cơ hội cho anh T thay đổi, vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, chỉ được thời gian ngắn mâu thuẫn lại diễn ra và kéo dài đến nay. Nay anh T mong muốn có thêm thời gian để vợ chồng đoàn tụ và đề nghị để vợ chồng sống ly thân một thời gian. HĐXX thấy rằng, chị H đã tạo cơ hội, nhưng thực tế anh T không thay đổi, vợ chồng vẫn mâu thuẫn nên không có căn cứ chấp nhận đề nghị của anh T. Mặt khác, chị H vẫn cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Như vậy, thấy rằng anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo Điều 19 Luật HNGĐ, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H ly hôn anh T là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về con chung:* Để đảm bảo sự ổn định về tâm lý cũng như sự chăm sóc tốt nhất đối với con cái và phù hợp với nguyện vọng của con chung. Cần giao cháu Vũ Thanh P cho anh T, giao cháu Vũ Như Q cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con và chấp nhận việc anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Q cùng chị H mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ khi bản án có hiệu lực đến khi cháu Q trưởng thành, theo quy định tại các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị H, anh T đều không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí:* Chị H, anh T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

[7] *Về quyền kháng cáo:* Chị H, anh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị H ly hôn anh Vũ Đạt T.

1.2. Về con chung: Giao cháu Vũ Thanh P, sinh ngày 18/02/2006 cho anh T, giao cháu Vũ Như Q, sinh ngày 14/11/2009 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Trên cơ sở tự nguyện, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Q cùng chị H mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) kể từ khi bản án có hiệu lực đến khi cháu Q trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương theo biên lai số AA/2020/0001280 ngày 10/5/2022, chị H đã nộp đủ án phí. Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí do có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Nguyên đơn, bị đơn;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- UBND phường Phú Thứ, Tx. Kinh Môn (số GCNKH 79.2003);
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- Công bố trên CTTĐT TANDTC;
- Lưu hồ sơ, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Văn Phúc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Hằng **Nguyễn Thị Ngọc Văn** **Đào Văn Phúc**